

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 2570/STC-QLNS ngày 27/12/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ năm 2022

I. Đánh giá chung

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc theo quy định.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn.

- Tư tưởng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị ổn định, yên tâm công tác.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ

- Số lượng đơn vị sự nghiệp trực thuộc: 01

- Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 02

- Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 02

2. Về kinh phí

* Khôi Văn phòng Sở

a) Kinh phí quản lý hành chính được giao: 7.099.691.000 đồng

Trong đó:

- Kinh phí giao thực hiện tự chủ: 5.335.000.000 đồng

- Số kinh phí thực hiện: 5.151.066.916 đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được: 183.933.084 đồng

+ Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao):

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): 183.933.084 đồng.

Phân tích nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế;

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước, nghỉ thai sản theo chế độ ...

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm kinh phí: 01 đơn vị.

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 0.034%

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: 1.764.691.000 đồng.

b) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần: 01 đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần: 0

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần: 0

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần: 0

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần: 0

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, công chức: 422.000 đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: 0,0714827686394228 lần.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 5.570.000 đồng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 3.152.000 đồng

- Trích các Quỹ và các khoản khác: 0 đồng.

3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm

- Thắt chặt chi tiêu;

- Hạn chế tổ chức hội nghị, đi công tác nếu không thật sự cần thiết.

4. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị

- *Thuận lợi*

+ Tăng cường quyền tự chủ và tính chủ động của Thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

+ Tạo ra sự thay đổi về thái độ làm việc, tinh thần và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức đối với công việc và ngân sách được giao. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của tất cả cán bộ, công chức trong đơn vị. Tất cả các khoản thu và nội dung chi được

công khai chi tiết, đã góp phần kiểm soát chi tiêu một cách hợp lý và thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài sản công.

- *Khó khăn*: Kinh phí được cấp để chi lương cho hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ là 53.600.000 đồng không đủ nên phải dùng chi thường xuyên để trả, ảnh hưởng đến việc tiết kiệm tại đơn vị.

- *Kiến nghị*: Cấp đủ kinh phí chi trả tiền lương cho các hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

B. Báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022

I. Đánh giá chung

Sở Khoa học và Công nghệ có 01 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*). Trung tâm là tổ chức khoa học công nghệ tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trung tâm được thực hiện các quyền tự chủ về tài chính; về thực hiện nhiệm vụ; về tổ chức bộ máy, nhân sự; quản lý và sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND 10/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án tự chủ của Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Quyết định số 1982/QĐ-UBND), với mức độ tự chủ là 28,92% áp dụng đến hết năm 2022 theo Công văn số 2312/STC-QLNS ngày 18/11/2022 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông.

Khi Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và thay thế Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Đơn vị đã hoàn thiện Phương án tự chủ tài chính theo tinh thần của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, đã trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị sự nghiệp trực thuộc

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị: Thực hiện Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 06/03/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc sáp nhập Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để thành lập Trung tâm Thông

tin, kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo Trung tâm sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Tổ chức bộ máy hiện tại của Trung tâm, gồm: Ban Lãnh đạo: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; 03 phòng chuyên môn: Phòng Thông tin - Tổng hợp; Phòng Nghiên cứu - Triển khai; Phòng Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Tuy nhiên, mới đây Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực thì khung biên chế và tổ chức bộ máy của Trung tâm chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục chỉ đạo Trung tâm xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, góp phần tiếp tục giảm đầu mối, tinh gọn bộ máy theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật tại các văn bản hiện hành.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị

- Tổng số cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng giao đầu năm: 20 người; trong đó: số cán bộ, viên chức 18 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 02 người.

- Tổng số cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng cuối năm: 21 người; trong đó: số cán bộ, viên chức 17 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 04 người.

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị: 01 viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin chuyển công tác về Sở Khoa học và Công nghệ; với nhu cầu phục vụ công tác của đơn vị cần tuyển dụng thêm 02 hợp đồng lái xe và bảo vệ chi trả từ nguồn thu của đơn vị.

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của đơn vị

Sau khi sát nhập (ngày 06/3/2019), đơn vị tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm trước, đồng thời tập trung nguồn lực nhằm triển khai có hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, gồm hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ; dịch vụ khoa học và công nghệ, kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật; việc chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của đơn vị được thực hiện

nghiêm túc, công khai. Trong những năm qua, Trung tâm được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Riêng năm 2022: Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ).

- *Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước; hoạt động dịch vụ khác:* Đơn vị luôn thực hiện đạt chỉ tiêu giao.

- *Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước; đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận ...* Đơn vị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo lĩnh vực được phân công; tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng và hoàn thành các nhiệm vụ theo Chương trình kế hoạch công tác trọng tâm đúng thời hạn và trước thời hạn.

- *Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền:* Trung tâm thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao; công tác thông tin, thống kê về khoa học công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ; dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo yêu cầu.

- *Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí:* Đơn vị không thực hiện nhiệm vụ này.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập: 01 đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 01 đơn vị, với mức độ tự chủ là 28,92%.

- Kết quả thực hiện so với yêu cầu của Nghị định: Theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công*) theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2022. Đơn vị đã hoàn thiện Phương án tự chủ tài chính, đã trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp

a) *Về mức thu:* Các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: Năm 2022, đơn vị thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị

tự quyết định và vượt chỉ tiêu so với số thu của cơ quan có thẩm quyền giao đầu năm 157%. Cụ thể: đầu năm giao dự toán thu: 800.000.000 đồng, doanh thu trong năm: 1.258.000.000 đồng.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên (bao gồm số nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác)

- Nguồn thu

+ Dự toán thu: 800 triệu đồng

Thu sự nghiệp, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: 800 triệu đồng

+ Số thực hiện: 1.258 triệu đồng

Thu sự nghiệp, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: 1.258 triệu đồng.

- Chi thường xuyên (*Chi tiết theo từng nguồn*)

+ Dự toán chi: 3.045 triệu đồng

Chi từ số thu được để lại: 800 triệu đồng

Nguồn kinh phí tự chủ (Chi lương): 1.331 triệu đồng

Nguồn kinh phí không tự chủ (Kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng): 900 triệu đồng

Nguồn kinh phí không tự chủ (Đào tạo): 14 triệu đồng

+ Số thực hiện: 3.503 triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

Chi từ số thu được để lại: 1.258 triệu đồng

Nguồn kinh phí tự chủ (Chi lương): 1.331 triệu đồng

Nguồn kinh phí không tự chủ (Kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng): 900 triệu đồng

Nguồn kinh phí không tự chủ (Đào tạo): 14 triệu đồng

c) Phân phối kết quả tài chính (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các Quỹ): 0 đồng

- Sử dụng các quỹ (Chi tiết theo từng quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ khen thưởng; Quỹ phúc lợi; Quỹ khác nếu có), cụ thể: Số dư đầu năm 198,748 triệu đồng; số trích trong năm: 0 đồng; số chi quỹ trong năm: 0 đồng; số dư chuyển sang năm sau: 198,748 triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần Quỹ tiền lương: 0 đơn vị. Đơn vị không có khả năng chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần Quỹ tiền lương: 0 đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần Quỹ tiền lương: 0 đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần Quỹ tiền lương trở lên: 0 đơn vị.

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là ... Triệu đồng/tháng (Tên đơn vị).

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là ... Triệu đồng/tháng (Tên đơn vị).

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp

Hàng năm, đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để quản lý sử dụng kinh phí được hiệu quả và tiết kiệm hơn. Sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Số đơn vị sự nghiệp đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 01/Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ 100%).

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được giao, các phòng chuyên môn chủ động xây dựng dự toán và kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện trên tinh thần tiết kiệm, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từng phòng chuyên môn.

Thường xuyên tham gia quản lý thực hiện ngân sách; rà soát, kiểm tra thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ; bổ sung, thay đổi cho phù hợp với thực tế.

Đảm bảo chi đúng, chi đủ các khoản chi cho con người theo đúng chế độ, chính sách: Lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội ...

Thực hiện tốt việc mua sắm tài sản cả về thường xuyên và đấu thầu mua sắm.

Sử dụng điện thoại: Tiến hành khoán chi phí tới từng phòng chuyên môn; sử dụng đúng chế độ quy định; mức chi được quy định rõ ràng, cụ thể theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Giảm tối đa việc tổ chức các hội nghị; tăng cường tổ chức kết hợp với triển khai công tác chuyên môn.

Thực hiện tốt quy định về sử dụng máy vi tính, thiết bị văn phòng trên tinh thần tiết kiệm, song vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

Vận động, quán triệt tới toàn thể cán bộ, viên chức, các phòng sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hành chính.

Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khoa học và công nghệ, nguồn thu khác của đơn vị

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Trong năm 2022 đơn vị không thực hiện

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ

Nội dung chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng lĩnh vực Ứng dụng khoa học và công nghệ; chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng lĩnh vực thông tin và thống kê khoa học công nghệ; lĩnh vực kỹ thuật đo lường... đơn vị thực hiện theo đúng nội dung trong biên bản thẩm định hoặc kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ

- Nhiệm vụ: “Nghiên cứu nâng cao chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) gắn với phát triển kinh tế của tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Giai đoạn 1: Nghiên cứu tổng quan, Quy trình/Công thức tính, khảo sát và xây dựng bộ dữ liệu)”: 401 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện công tác lưu giữ giống nuôi cấy mô trong phòng thí nghiệm: 34,578 triệu đồng.

- Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng thuộc lĩnh vực thông tin và thống kê khoa học công nghệ: 200,422 triệu đồng.

- Tổ chức học tập, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm; tham dự hội thảo, hội nghị, tập huấn và các sự kiện khoa học công nghệ. Tổ chức 01 chuyến học tập, chia sẻ kinh nghiệm ngoài tỉnh: 50 triệu đồng.

- Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng thuộc lĩnh vực kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 214 triệu đồng.

5. Những khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

Các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nguồn thu khác của đơn vị còn rất ít, không ổn định. Cách thức xác định mức độ tự chủ không tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính, dẫn đến mức độ tự chủ cao gây khó khăn cho đơn vị, thu chi đủ trang trải chi phí, chưa đủ để bổ sung vào phần tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên. Vì vậy, khi đơn vị chi trả các chế độ, chính sách và chi hoạt động cho người lao động từ nguồn thu đã gặp rất nhiều khó khăn, như: Việc chi trả lương cho các hợp đồng bị chậm trễ gây ảnh hưởng đến đời sống của người lao động; nợ nhà cung cấp các dịch vụ...

Từ sau khi Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực đến nay, Trung tâm không được thực hiện ký kết hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ. Tuy nhiên, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, khối lượng công việc hiện tại là quá lớn so với số biên chế được giao 18 người. Trung tâm cần phải ký kết thêm hợp đồng để thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ (không phải là phục vụ, thừa hành theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ), gồm: Kỹ sư sinh học; Kỹ sư xây dựng phục vụ lĩnh vực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; Cử nhân sinh học, công nghệ thông tin phục vụ thông tin tuyên truyền khoa học và công nghệ, tổng hợp hành chính; Cử nhân kế toán.

Nguyên nhân là do đặc thù của ngành, địa bàn tỉnh cộng với những khó khăn của đơn vị thì việc tạo nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khoa học và công nghệ của đơn vị gặp rất nhiều khó khăn; tài sản để phục vụ hoạt động đã xuống cấp. Ngoài ra, nguồn thu hiện tại của đơn vị chưa ổn định và thấp nên dẫn đến việc chi trả lương cho các hợp đồng thường bị chậm trễ.

6. Đề xuất, kiến nghị

Đề xuất bổ sung thêm cơ chế tự chủ trong tuyển dụng và ký kết các hợp đồng chuyên môn cho các đơn vị sự nghiệp công, tháo gỡ nút thắt theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Được phép lấy nguồn thu dịch vụ, sản xuất kinh doanh của đơn vị để chi trả cho người lao động theo hợp đồng thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ.

Trên đây là Báo cáo kết quả tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước và thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ. Kính gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP_(Thương).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Văn Tin

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ
Năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SKHCN ngày tháng 02 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị									Biên chế (Người)			Kinh phí năm 2022							Kết quả về thu nhập tăng thêm 2022															
		Cơ quan cấp tỉnh			Cơ quan cấp huyện			Cơ quan cấp xã			Được giao	Có mặt	Chênh lệch (Biên chế được giao - Biên chế có mặt)	Tổng kinh phí QLHC năm 2022	Kinh phí tự chủ				Số đơn vị tiết kiệm kinh phí trên tổng số đơn vị tự chủ	Chi kinh phí tiết kiệm				Số đơn vị có hệ số thu nhập				Cấp tỉnh, thành phố			Cấp quận, huyện					
		Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh	Số đơn vị giao tự chủ	Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện	Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ	Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Số lượng xã	Số xã được giao thực hiện tự chủ	Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ					Kinh phí được giao	Kinh phí thực hiện	Số kinh phí tiết kiệm	% Tiết kiệm so với kinh phí được giao tự chủ		Kinh phí không tự chủ	Tổng số	Chi thu nhập tăng thêm	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Không chi thu nhập tăng thêm	Dưới 0,1 lần	Từ 0,1 đến dưới 0,2 lần	Từ 0,2 đến dưới 0,3 lần	Từ 0,3 đến dưới 0,4 lần	Từ 0,4 lần trở lên	Mức TN TT bình quân/ tháng (1.000 đồng)	Mức TN TT cao nhất/ tháng	Mức TN TT thấp nhất/ tháng	Mức TN TT bình quân/ tháng (1.000 đồng)	Mức TN TT cao nhất/ tháng	Mức TN TT thấp nhất/ tháng
											10	11	12=10-11	13=14+15					14																	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=10-11	13=14+15	14	15	16=14-15	17=16/14	18	19	20=21+22+23	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
Tổng số																																				
1	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông																																			
1.1	Khối Văn phòng Sở		1	1							37	35	2	7,100	5,335	5,151	183,9	0,0345	1764,7	1	183,9	183,9					1					422				

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SKHCCN ngày tháng 02 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
A	BÁO CÁO TỔNG HỢP			
I	Tổng số đơn vị SNCL	Đơn vị	1	
II	Số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	Đơn vị	1	
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
III	Tổng số người làm việc	Người	21	
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN		17	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng		
1	Nguồn tài chính		3,489	
a	Ngân sách nhà nước cấp		2,231	
-	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công			
-	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ		1,331	
-	NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		900	
b	Nguồn thu phí được để lại chi			
c	Nguồn thu dịch vụ khác		1,258	
d	Nguồn vay nợ, viện trợ			
e	Nguồn khác			
2	Sử dụng nguồn tài chính		2,231	
a	Chi từ nguồn NSNN cấp		2,231	

STT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
-	Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công <i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
-	Chi thường xuyên giao tự chủ <i>Trong đó: Quỹ lương</i>		1,331	
-	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		900	
-	Chi phục vụ công tác thu phi <i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
c	Chi hoạt động dịch vụ khác <i>Trong đó: Quỹ lương</i>		1,258	
d	Chi vay nợ, viện trợ		222	
e	Chi khác			
3	Chênh lệch thu chi (1)			
4	Trích lập các Quỹ			
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			
b	Quỹ bổ sung thu nhập			
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
d	Quỹ khác (2)			
B	BÁO CÁO CHI TIẾT THEO LĨNH VỰC (3)			
B.1	Lĩnh vực khoa học công nghệ			
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị	1	
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị	1	
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
III	Tổng số người làm việc	Người	21	

STT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN		17	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng		
1	Nguồn tài chính		3,489	
a	Ngân sách nhà nước cấp		2,231	
-	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công			
-	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ		1,331	
-	NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		900	
b	Nguồn thu phí được để lại chi			
c	Nguồn thu dịch vụ khác		1,258	
d	Nguồn vay nợ, viện trợ			
e	Nguồn khác			
2	Sử dụng nguồn tài chính		3,489	
a	Chi từ nguồn NSNN cấp		2,231	
-	Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
-	Chi thường xuyên giao tự chủ		1,331	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>		1,331	
-	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		900	
b	Chi phục vụ công tác thu phí			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
c	Chi hoạt động dịch vụ khác		1,258	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>		222	
d	Chi vay nợ, viện trợ			
3	Chênh lệch thu chi			
4	Trích lập các Quỹ			
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			
b	Quỹ bổ sung thu nhập			

STT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
d	Quỹ khác			
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (Quỹ tiền lương)		
B.2	Lĩnh vực ...			
	...			
B.3	Lĩnh vực ...			

Ghi chú:

- (1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường, xuyên) không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ.
- (2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.
- (3) Báo cáo chi tiết theo 07 lĩnh vực sự nghiệp: giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao và du lịch, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

